

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường của Công ty TNHH điện tử SNC Việt Nam ngày 10 tháng 01 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 90/TTr-STNMT ngày 31 tháng 01 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Điện tử SNC Việt Nam địa chỉ tại Nhà xưởng A1, A2 & A3 lô 6, Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Công ty TNHH công nghệ SNC Việt Nam tại Nhà xưởng A1, A2 & A3 lô 6, Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của Dự án

1.1. Tên dự án: Dự án Công ty TNHH công nghệ SNC Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Nhà xưởng A1, A2 & A3 lô 6 Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

1.3. Công ty TNHH Điện tử SNC Việt Nam có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số doanh nghiệp 0801397741 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 05 năm 2023; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

số 4326824416, chứng nhận lần đầu ngày 09/05/2023, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 9/11/2023.

1.4. Mã số thuế: 0801397741.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công, lắp ráp các loại đèn chiếu sáng, đèn công nghiệp; thiết kế chế tạo các sản phẩm đèn chiếu sáng và thực hiện quyền phân phối bán buôn, xuất nhập khẩu hàng hóa.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật Đầu tư công và thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích đất: 22.437 m<sup>2</sup>.

- Công suất thiết kế:

+ Sản xuất, gia công, lắp ráp các loại đèn chiếu sáng, đèn công nghiệp: 990.000 cái /năm.

+ Lắp đặt đèn chiếu sáng, đèn công nghiệp: doanh thu khoảng 1.000.000 USD/năm.

+ Thiết kế, chế tạo các sản phẩm đèn chiếu sáng, đèn công nghiệp: doanh thu 200.000 USD/năm.

+ Thực hiện quyền phân phối bán buôn, thực hiện quyền xuất nhập khẩu các hàng hóa theo quy định của pháp luật: doanh thu 500.000 USD/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Điện tử SNC Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Điện tử SNC Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, Sở Tài nguyên và Môi trường nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Hải Dương.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: Kể từ ngày được cấp phép đến hết ngày 05 tháng 6 năm 2028.

Giấy phép môi trường số 1397/GPMT-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương cấp ngày 17/7/2023 cho Công ty TNHH Điện tử SNC Việt Nam hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH điện tử SNC Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND huyện Cẩm Giàng;
- Trung tâm CNTT- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lưu Văn Bản**

## Phụ lục I

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 286/GPMT-UBND  
ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp BW Hải Dương - Dự án 2 sau đó tiếp tục được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, không xả ra môi trường). Nước thải làm mát sử dụng tuần hoàn không thải ra môi trường.

- Đã ký Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải với Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp BW Hải Dương - Dự án 2 (đơn vị cho thuê nhà xưởng và vận hành hệ thống xử lý nước thải tại các lô đã cho thuê nhà xưởng).

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải từ các khu vệ sinh được dẫn vào bể phốt bằng ống PVC D110. Toàn bộ nước thải sau khi ra khỏi bể phốt theo ống HDPE 200, độ dốc 0,45% dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 180 m<sup>3</sup>/ngày đêm của Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp BW Hải Dương - Dự án 2 để xử lý đạt mức cam kết sau đó đầu nối vào HTXL của KCN Cẩm Điền - Lương Điền.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

\* Công trình xử lý nước thải sơ bộ:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, 3 bể tự hoại tổng thể tích 84 m<sup>3</sup>, kích thước mỗi bể (L x B x H = 4 m x 3,5 m x 2 m).

### 1.3. Biện pháp, phòng ngừa ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thiết bị của hệ thống làm mát và hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Không phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (do nước thải sinh hoạt của Công ty sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 180 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp BW Hải Dương - Dự án 2).

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước làm mát trước khi tuần hoàn tái sử dụng hoặc xả vào hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp BW Hải Dương - Dự án 2; hợp đồng với đơn vị có chức năng phù hợp để thu gom, vận chuyển và xử lý nước thải từ quá trình vệ sinh, thay nước tháp giải nhiệt và nước thải vệ sinh thiết bị; không được xả nước thải trực tiếp ra ngoài môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền.

## Phụ lục II

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 286/GPMT-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

### 1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Ống thải hệ thống xử lý khí thải khu vực hàn (khu vực xưởng A1) lưu lượng 40.000 m<sup>3</sup>/h.

- Nguồn số 01: Ống thải hệ thống xử lý khí thải khu vực hàn (khu vực xưởng A3) lưu lượng 10.000 m<sup>3</sup>/h.

02 nguồn phát sinh khí thải được thu gom, xử lý bằng 02 hệ thống xử lý khí thải tương ứng.

### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

02 dòng khí thải.

#### 2.1. Dòng khí thải thứ nhất

Tương ứng với ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải (tại xưởng A1).

- Vị trí xả khí thải: Toạ độ vị trí xả thải (Theo hệ toạ độ VN2.000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>30', múi chiếu 3<sup>0</sup>): Ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải: X(m) = 2315240; Y(m) = 622497.

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 40.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Phương thức xả khí thải: Xả thải liên tục 24/24h.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, đạt giá trị C<sub>max</sub> của QCVN19:2009/BTNMT mức B với K<sub>p</sub> = 0,9; K<sub>v</sub> = 1,0, cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	Không áp dụng	Không áp dụng
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	180		
3	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	900		
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	450		
5	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	765		

## 2.2. Dòng khí thải thứ hai

Tương ứng với ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải (tại xưởng A3).

- Vị trí xả khí thải: Toạ độ vị trí xả thải (Theo hệ toạ độ VN2.000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ): Ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải:  $X(m) = 2315375$ ;  $Y(m) = 622446$

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:  $10.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

- Phương thức xả khí thải: Xả thải liên tục 24/24h.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, đạt giá trị  $C_{\max}$  của QCVN19:2009/BTNMT mức B với  $K_p = 1,0$ ;  $K_v = 1,0$ , cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	$\text{m}^3/\text{h}$	-	Không áp dụng	Không áp dụng
2	Bụi	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	200		
3	CO	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	1000		
4	SO <sub>2</sub>	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	500		
5	NO <sub>x</sub>	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	850		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

Tại nhà xưởng A1 và A3:

Quy trình thu gom xử lý: Tại các vị trí hàn  $\rightarrow$  chụp hút  $\rightarrow$  đường ống thu gom  $\rightarrow$  hệ thống hấp phụ than hoạt tính  $\rightarrow$  quạt hút  $\rightarrow$  ống thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tại nhà xưởng A1:

Hệ thống thu gom và xử lý khí thải hàn tại dây chuyền của nhà xưởng A1: Đường ống DN110: L=72m; DN300mm: L=54m, DN400mm: L= 33m; DN 550mm: L= 120m; DN 900: L= 45m.

+ Kích thước buồng xử lý: L4.300 \* W2.100 \*H2.500mm.

+ Khối lượng than hoạt tính: 0,3 tấn.

+ Công suất: 55 KW.

+ Lưu lượng:  $40.000 \text{ m}^3/\text{h}$ .

- + Kích thước ống thải: D900mm, chiều cao H=5,5m, chất liệu tôn mạ kẽm
- + Xuất xứ: Trung Quốc.

- Tại nhà xưởng A3:

Hệ thống thu gom và xử lý khí thải hàn tại dây chuyền của nhà xưởng A3:  
Đường ống thu gom: DN600, DN500, DN300mm, DN400mm, DN 110mm.

+ Khối lượng than hoạt tính: 0,1 tấn.

+ Công suất: 15 KW.

+ Lưu lượng: 10.000 m<sup>3</sup>/h.

+ Kích thước ống thải: D600mm, chiều cao H=6 m, chất liệu tôn mạ kẽm.

### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị quạt, thông gió.

+ Trang bị các thiết bị dự phòng, cụ thể như sau: 02 quạt hút, Quạt ly tâm VCM -1D-3, P=5,5KW/chiếc; lưu lượng: 40.000m<sup>3</sup>/h/chiếc. 02 quạt hút có lưu lượng 10.000 m<sup>3</sup>/h.

+ Giáo dục tuyên truyền, nâng cao nhận thức BVMT và tập huấn phòng chống ứng cứu sự cố rủi ro cho cán bộ, công nhân viên của dự án.

- Biện pháp ứng phó:

+ Thông báo cho phụ trách xưởng, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/khắc phục sự cố.

+ Xác định chất lượng khí thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.

+ Giảm công suất thiết bị sản xuất có hệ thống xử lý không khí bị trực, khắc phục ngay các nguyên nhân gây ra trực thiết bị.

+ Thay thế kịp thời các bộ phận bị hư hỏng.

+ Dừng hoạt động sản xuất tại khu vực bị hư hỏng thiết bị xử lý không khí cho đến khi thiết bị hoạt động bình thường.

+ Khi sự cố ở mức nghiêm trọng, Công ty sẽ báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và tạm ngừng sản xuất để khắc phục sự cố.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

### 2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Tại thời điểm Công ty xin cấp lại giấy phép môi trường thì hệ thống xử lý khí thải tại nhà xưởng A1 đang tiến hành vận hành thử nghiệm. Do vậy giai đoạn này Công ty chỉ vận hành hệ thống xử lý khí thải tại nhà xưởng A3 công suất 10.000 m<sup>3</sup>/h.

Thời gian tối đa trong vòng 6 tháng từ ngày 01/03/2024 đến 31/08/2024.



## 2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

01 Hệ thống thu gom, xử lý khí thải tại khu vực nhà xưởng A3, công suất là 10.000 m<sup>3</sup>/h.

### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- 01 mẫu khí tại ống thoát khí thải của hệ thống thu gom, xử lý khí thải, công suất 10.000m<sup>3</sup>/giờ (nhà xưởng A3)

2.2.2. *Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:* thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần (lấy 03 ngày liên tiếp, mẫu đơn).

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm cho công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 10 ngày, Công ty phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải của nhà máy.

3.3. Công ty TNHH Điện tử SNC Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

### Phụ lục III

## BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 286/GPMT-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn 1: Từ hoạt động tại các khu vực máy nén khí, quạt hút.
- Nguồn 2: Từ hoạt động của hệ thống xử lý khí thải (xưởng A1).
- Nguồn 3: Từ hoạt động của hệ thống xử lý khí thải (xưởng A3).

#### 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Theo hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>30', múi chiều 3<sup>0</sup>.

- Nguồn ồn 1: X(m) = 2315156; Y(m) = 622494.
- Nguồn ồn 2: X(m) = 2315240; Y(m) = 622497.
- Nguồn ồn 3: X(m) = 2315375; Y(m) = 622446.

#### 3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

##### 3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

##### 3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ ÷ 21 giờ	21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.
- Công nhân làm việc liên tục tại các công đoạn phát sinh tiếng ồn được trang bị nút tai chuyên dụng để giảm tác động của tiếng ồn.
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực nhà máy để che nắng, giảm lượng bức xạ mặt trời, tiếng ồn, ngăn bụi phát tán ra bên ngoài nhà máy.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

## Phụ lục IV

### YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 286/GPMT-UBND  
ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

#### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

##### 1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

###### 1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Đơn vị tính	Số lượng
1	Chất hấp thụ, giẻ lau, găng tay dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Kg/năm	200
2	Bao bì nhựa có chứa thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	Kg/năm	150
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	19 06 01	Kg/năm	50
4	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	Kg/năm	600
5	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	Kg/năm	170
6	Bo mạch điện tử hỏng	Rắn	15 02 14	Kg/năm	150
7	Bóng đèn led thải	Rắn	16 01 12	Kg/năm	3
8	Xi hàn	Rắn	07 04 02	Kg/năm	150
<b>Tổng</b>				<b>Kg/năm</b>	<b>1.473</b>

###### 1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bao bì nhựa, Nilon	Rắn	18 01 06	Kg/năm	2.500
2	Giấy, bao bì giấy (Bìa carton,...)	Rắn	18 01 05	Kg/năm	18.000
3	Bao bì gỗ (Palet hỏng, thùng gỗ đựng máy,...)	Rắn	18 01 07	Kg/năm	1.200
4	Giẻ lau, găng tay không nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 02	Kg/năm	150

5	Đế đèn hồng, các phụ liên khác	Rắn	180106	Kg/năm	1.950
<b>Tổng</b>				<b>Kg/năm</b>	<b>23.800</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 52,2 tấn/năm.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa chất thải:* 20 thùng loại 50 lít/thùng.

2.1.2. *Kho/khu vực lưu chứa CTNH*

- Diện tích 39 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: Kho kết cấu là vỏ thùng container, kho nằm ngoài phía sau xưởng A1, trong kho có thùng lưu chứa từng loại chất thải và dán nhãn phân loại theo quy định.

Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại trang bị thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

Chất thải nguy hại phải thực hiện khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. *Thiết bị lưu chứa chất thải:* 50 thùng chứa loại 10 lít.

2.2.2. *Kho/Khu vực lưu chứa*

- Diện tích: 39m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Kho chứa kết cấu vỏ thùng container, kho nằm ngoài phía sau xưởng A1, gần kho chất thải nguy hại. Kho có cửa, biển báo, bên trong có thùng lưu chứa theo đúng quy định.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị thùng chứa tại văn phòng, nhà ăn đều có thùng chứa rác thải sinh hoạt. Số lượng 10 thùng loại 10 lít/thùng và thu gom vào khu vực sân trước của xưởng sản xuất. Thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý tần suất thu gom 1 ngày/lần

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

**3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:** Không có

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## Phụ lục V

### CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 286/GPMT-UBND  
ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

#### A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.